|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /NQ-HĐND**Đề cương chi tiết dự thảo****Nghị quyết của HĐND tỉnh** | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

 **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển
khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA … KỲ HỌP THỨ …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Văn bản số 2769/BNN-KN, ngày 16/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đẩy mạnh hoạt động khuyến nông cộng đồng;*

*Căn cứ Văn bản số 7479/UBND-KTN , ngày 27/6 /2024 của Uỷ ban nhân dân về việc đẩy mạnh khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Xét Tờ trình số* [*……/TTr-UBND*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=2325/TTr-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=48&lan=1) *ngày ……/……/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số**……/BC-UBND ngày ……/……/2024 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số **chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**.

**Điều 2.** Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Trong cùng một thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ có hiệu lực thi hành trùng lặp với chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3. Khi các văn bản được viện dẫn có liên quan quy định về các chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Các chính sách hỗ trợ được ban hành trong giai đoạn đến năm 2030 trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khoá … Kỳ họp thứ … thông qua ngày...../...../2024 và có hiệu lực từ ngày ....../....../ 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội (A + B);- Văn phòng Chính phủ (A + B);- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Cục Kiểm tra VB.QPPL – Bộ Tư pháp;- Bí thư Tỉnh ủy;- Thường trực tỉnh ủy;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;- Thường trực HĐND tỉnh;- UBND tỉnh;- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành;- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH****Thái Bảo** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Đề cương chi tiết**

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng**

**đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ phát triển nông, lâm và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Tỉnh **Đồng Nai** khuyến khích phát triển khuyến nông cộng đồng bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hoặc các chính sách ưu đãi khác.

2. Trong cùng một thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ có hiệu lực thi hành trùng lặp với chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3. Khi các văn bản được viện dẫn có liên quan quy định về các chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Các chính sách hỗ trợ được ban hành trong giai đoạn đến năm 2030 trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

2. Tổ Khuyến nông cộng đồng là tổ chức khuyến nông tự nguyện với thành phần nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở và các cá nhân trên địa bàn (cán bộ thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm,...), đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể, kinh tế tại địa phương (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, hợp tác xã, doanh nghiệp,...), nông dân sản xuất giỏi tại địa phương.

**CHƯƠNG II**

**NỘI DUNG HỖ TRỢ**

**Điều 4.** **Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị thiết yếu để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng**

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ: Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh (trừ các Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).

b) Điều kiện hỗ trợ

- Các Tổ Khuyến nông cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quyết định do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Có văn bản đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo; các thiết bị, phương tiện truyền thông như: Máy chiếu, máy tính xách tay, máy chụp hình, văn phòng phẩm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ lần đầu khi thành lập với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/Tổ. Số lượng hỗ trợ không quá 170 Tổ.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư.

**Điều 5. Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng**

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ: Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh (trừ các Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).

b) Điều kiện hỗ trợ

- Các Tổ Khuyến nông cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quyết định do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Có văn bản đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng.

b) Mức hỗ trợ: 5 triệu đồng/tháng đối với Tổ trưởng, 3 triệu đồng/tháng đối với Tổ phó. Số lượng hỗ trợ mỗi tổ Khuyến nông cộng đồng không quá 1 Tổ trưởng và 2 Tổ phó.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư.

**Điều 6. Kinh phí hoạt động cho các Tổ Khuyến nông cộng đồng đã được thành lập**

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ: Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh (trừ các Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).

b) Điều kiện hỗ trợ

- Các Tổ Khuyến nông cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quyết định do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Có văn bản đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ: Kinh phí hoạt động cho các Tổ Khuyến nông cộng đồng.

b) Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/Tổ/năm. Số lượng hỗ trợ không quá 170 Tổ.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư.

**CHƯƠNG I****II**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

Dự kiến hàng năm ngân sách địa phương bố trí khoảng **32.640** triệu đồng, dự kiến từ các nguồn kinh phí như: Cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện hàng năm; nguồn dịch vụ môi trường rừng và các nguồn hợp pháp khác để triển khai thực hiện chính sách. Tương ứng với giai đoạn 2025 - 2030 khoảng **163.200** triệu đồng. Chi tiết tại Bảng sau:

| **Stt** | **Chính sách đề xuất** | **Kinh phí/Năm (Triệu đồng)** | **Kinh phí giai đoạn 2025-2030; 05 năm (Triệu đồng)** |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tổng* | *NS tỉnh* | *NS huyện/TP* | *Tổng* | *NS tỉnh* | *NS huyện/TP* |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị thiết yếu để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng | 1.700 | 1.700 | - | 8.500 | 8.500 | - |
| 2 | Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng | 22.400 | 22.400 | - | 112.200 | 112.200 | - |
| 3 | Kinh phí hoạt động cho các Tổ Khuyến nông cộng đồng | 8.500 | 8.500 | - | 42.500 | 42.500 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **32.640** | **32.640** | **-** | **163.200** | **163.200** | **-** |

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện Nghị quyết này.

b) Xây dựng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

c) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, công khai, minh bạch các nội dung chính sách đến Tổ Khuyến nông cộng đồng trên địa bàn.

b) Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng nội dung chính sách, bố trí ngân sách cấp huyện đảm bảo thực hiện các nội dung chính sách.

c) Phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các dự án, nội dung hỗ trợ theo thẩm quyền đảm bảo chính sách được triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

3. Các Sở, ban ngành, các địa phương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách hỗ trợ: Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.